

Kl NY

Ki Hoa



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 2290
	Giới: Ngày 8 tháng 10 năm 12

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2012

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN  
KHOÁNG SẢN BẮC GIANG

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

STT	NỘI DUNG	Trang
1	<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 3
2	<b>Báo cáo Kết quả công tác soát xét</b>	4
3	<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>	5 - 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	9 - 19

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Đại Cát, được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103027669 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23 tháng 4 năm 2009. Ngày 12/11/2010, Công ty Cổ phần Khoáng sản Đại Cát sáp nhập với Công ty Cổ phần Khoáng sản Thăng Long Hà Nội và đổi tên thành Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 0103003517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Giang cấp. Thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 4 ngày 20/12/2011.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103003517 ngày 20 tháng 12 năm 2012, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (từ quặng Nhà nước cấm); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác và thu gom than bùn; sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc sắt thép; Đúc kim loại màu; Rèn, dập, ép, cán kim loại, luyện bột kim loại; Sản xuất dây cáp điện, điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Bán buôn kim và quặng kim loại, vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại, xuất nhập khẩu các mặt hàng kinh doanh. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng và cơ sở hạ tầng. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Cầu Sắt, xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty: 168.000.000.000 VNĐ (Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng).

### **Các sự kiện có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động trong kỳ**

Trong 06 tháng đầu năm 2012 Công ty không phát sinh doanh thu, giá vốn. Nguyên nhân chính là do các sự cố kỹ thuật, hoàn chỉnh lại các công trình, bảo dưỡng máy móc; Đồng thời đang là mùa mưa, việc khai thác gặp khó khăn. Thêm vào đó, trong quý 2/2012, Công ty tập trung vào hoạt động thu nợ và đầu tư liên doanh liên kết, cải tạo nhà máy, hiện đã thu nợ được phần lớn số nợ phải thu khó đòi đã trích lập cuối năm 2011, vì thế khi hoàn nhập dự phòng đã làm chi phí quản lý doanh nghiệp bị âm.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính**

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Vũ Văn Thảo	Chủ tịch	Bầu ngày 31/10/2008
Ông Nguyễn Huy Quang	Thành viên	Bầu ngày 31/10/2008
Ông Đặng Văn Kỳ	Thành viên	Bầu ngày 31/10/2008
Ông Nghiêm Đức Ngọc	Thành viên	Bầu ngày 31/12/2010
Dương Thị Liên Hương	Thành viên	Bầu ngày 19/06/2012

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/12/2011
Ông Đặng Văn Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/12/2011

## **Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang**

Địa chỉ: Thôn Cầu Sắt, xã Sơn Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

**Báo cáo của Ban Giám đốc**

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

### **Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Bắc Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2012*

**TM. Ban Giám đốc  
Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Huy Quang**



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

THANG LONG - T. D. K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội	: Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội	-Tel: (04)6 251 0008	-Fax: (04)6 251 1327
Chi nhánh Miền Nam	: C14, Quang Trung, phường 11	-Tel: (08)3 589 7462	-Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM	: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP.HCM	-Tel: (08)3 848 0763	-Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tống, TP.Đà Nẵng	-Tel: (0511)3 651 818	-Fax: (0511)3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn	: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu	-Tel: (025)3 718 545	-Fax: (025)3 716 264

Số: *110.1/2012*/BCKT - TC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

### Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2012

#### của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang.**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang được lập ngày 24 tháng 9 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

#### Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Ý kiến nhận xét:

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. Tuy nhiên, chúng tôi muốn lưu ý với người đọc báo cáo tài chính rằng: Khoản cho các cá nhân vay bằng tiền mặt, không có tài sản đảm bảo, thời hạn cho vay là 01 năm; lãi suất cho vay là 0% là chưa hợp lý. (xem thuyết minh số V.3 trang 15)

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
THĂNG LONG - T.D.K



Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Từ Quỳnh Hạnh  
Chứng chỉ KTV số: 0313/KTV

Lưu Anh Tuấn  
Chứng chỉ KTV số: 1026/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>45.544.586.717</b>	<b>80.442.209.700</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.237.710.401</b>	<b>7.825.707.008</b>
1. Tiền	111		8.237.710.401	7.825.707.008
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.332.589.763</b>	<b>55.853.762.563</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	5.967.956.000	35.338.580.000
2. Trả trước cho người bán	132		4.918.138.900	5.746.138.900
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	9.236.881.663	18.749.881.663
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.790.386.800)	(3.980.838.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.379.587.394</b>	<b>4.059.635.271</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	9.379.587.394	4.059.635.271
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.594.699.159</b>	<b>12.703.104.858</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		25.516.664	134.570.685
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.648.322	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	9.566.534.173	12.568.534.173
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>173.050.851.696</b>	<b>138.962.174.525</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>132.066.956.681</b>	<b>137.294.384.496</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	122.079.933.032	127.307.360.847
Nguyên giá	222		146.514.633.860	146.514.633.860
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.434.700.828)	(19.207.273.013)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	9.987.023.649	9.987.023.649
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>40.000.000.000</b>	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8	40.000.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.9</b>	<b>983.895.015</b>	<b>1.667.790.029</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		483.895.015	967.790.029
3. Tài sản dài hạn khác	268		500.000.000	700.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>218.595.438.413</b>	<b>219.404.384.225</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.185.931.968</b>	<b>13.090.899.657</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.586.991.324</b>	<b>12.090.899.657</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	250.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.10	4.659.206.597	5.816.319.745
3. Người mua trả tiền trước	313		45.660.000	45.660.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	5.237.997.568	5.237.997.568
5. Phải trả người lao động	315		38.180.409	51.736.368
6. Chi phí phải trả	316		50.000.000	143.905.111
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	29.695.151	19.029.266
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		526.251.599	526.251.599
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>598.940.644</b>	<b>1.000.000.000</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	598.940.644	1.000.000.000
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>207.409.506.445</b>	<b>206.313.484.568</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>207.409.506.445</b>	<b>206.313.484.568</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		168.000.000.000	168.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.000.000.000	12.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		526.251.599	526.251.599
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.305.122.783	1.305.122.783
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.578.132.063	24.482.110.186
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>218.595.438.413</b>	<b>219.404.384.225</b>

Lập, ngày 24 tháng 9 năm 2012

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Quỳnh Trang

Tổng Giám đốc

Nguyễn Huy Quang

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	41.029.680.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	41.029.680.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	14.454.408.485
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	26.575.271.515
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	133.591	110.457.048
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.357.066	369.689.444
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.357.066	369.689.444
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(1.100.245.352)	1.136.120.345
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.096.021.877	25.179.918.774
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.096.021.877	25.179.918.774
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	-	6.294.979.694
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.096.021.877</u>	<u>18.884.939.081</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>65</u>	<u>1.124</u>

Lập, ngày 24 tháng 9 năm 2012

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Quỳnh Trang



Nguyễn Huy Quang



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.096.021.877	25.179.918.774
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.227.427.815	5.266.418.010
- Các khoản dự phòng	03	2.190.451.200	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(133.591)	(110.457.048)
- Chi phí lãi vay	06	4.357.066	369.689.444
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.518.124.367	30.705.569.180
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	39.181.132.634	(43.130.261.574)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.319.952.123)	2.263.313.731
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.253.908.333)	2.720.794.916
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	592.949.035	(778.770.153)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.357.066)	(369.689.444)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>41.713.988.514</b>	<b>(8.589.043.344)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(40.999.999)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	12.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(40.000.000.000)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	133.591	110.457.048
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(39.999.866.409)</b>	<b>12.569.457.049</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(651.059.356)	(4.794.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(1.302.118.712)</b>	<b>(4.794.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>412.003.393</b>	<b>(813.586.295)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>7.825.707.008</b>	<b>7.032.072.122</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>8.237.710.401</b>	<b>6.218.485.827</b>

Lập, ngày 24 tháng 9 năm 2012

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Quỳnh Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Quang

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý 2 năm 2012

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Đại Cát, được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103027669 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23 tháng 4 năm 2009. Ngày 12/11/2010, Công ty Cổ phần Khoáng sản Đại Cát sáp nhập với Công ty Cổ phần Khoáng sản Thăng Long Hà Nội và đổi tên thành Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0103003517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Giang cấp. Thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 4 ngày 20/12/2011.

Vốn điều lệ của Công ty là: 168.000.000.000 VNĐ (Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng).

Một số cổ đông sở hữu từ 5% Vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 30/06/2012 là :

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ %
Vũ Văn Thảo	Chủ tịch HĐQT	1.073.853	6,39%

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh:

Khai thác và chế biến khoáng sản

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (từ quặng Nhà nước cấm); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác và thu gom than bùn; sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc sắt thép; Đúc kim loại màu; Rèn, dập, ép, cán kim loại, luyện bột kim loại; Sản xuất dây cáp điện, điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Bán buôn kim và quặng kim loại, vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại, xuất nhập khẩu các mặt hàng kinh doanh. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng và cơ sở hạ tầng. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

***Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán***

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

***Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

***1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:***

***1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền***

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

***1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:***

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

***2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:***

***2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:***

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

***2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:***

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

***2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:***

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

***2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.1. Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

**5.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính**

**- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước:**

*Chi phí trả trước ngắn hạn* : Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến 01 năm tài chính thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh.

*Chi phí trả trước dài hạn* : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm cả chi phí đào tạo) ;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp ;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn ;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn ;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản ;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn ;
- Chi phí quảng cáo;
- Chi phí khảo sát.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ không quá từ 02 năm.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

**Nguyên tắc ghi nhận cổ tức:** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

**11. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**12.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**12.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

**12.3. Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí tài chính:**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các

khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác.

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.233.839.845	7.609.017.060
Tiền gửi ngân hàng	3.870.556	216.689.948
<b>Cộng</b>	<b><u>8.237.710.401</u></b>	<b><u>7.825.707.008</u></b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thiên Ngọc		3.183.824.000
Công ty TNHH TM XNK Xuân Anh		2.612.435.000
Công ty TNHH Đầu tư phát triển TM Tân Phong		6.595.560.000
Công ty TNHH Xây dựng Việt Á	104.000	8.344.104.000
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Rồng Việt		4.199.605.000
Cty TNHH Hợp tác ĐTPT DVTM Miền Bắc		4.435.200.000
Công ty TNHH Thương mại Tân Đại Lợi	5.967.852.000	5.967.852.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.967.956.000</u></b>	<b><u>35.338.580.000</u></b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu khác - Cho vay (*)</i>	<i>9.200.000.000</i>	<i>18.713.000.000</i>
Ông Đồng Tuấn Minh		3.274.000.000
Ông Trần Văn Hướng	3.200.000.000	5.456.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	6.000.000.000	9.983.000.000
<i>Phải thu khác</i>	<i>36.881.663</i>	<i>36.881.663</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>9.236.881.663</u></b>	<b><u>18.749.881.663</u></b>

(\*) Đây là các khoản cho cá nhân vay bằng tiền mặt, không có tài sản đảm bảo. Thời hạn cho vay là một năm, lãi suất cho vay là 0%/năm.

**4. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.323.000.000	3.323.000.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.914.593.086	594.640.963
Thành phẩm	141.994.308	141.994.308
<b>Cộng</b>	<b><u>9.379.587.394</u></b>	<b><u>4.059.635.271</u></b>



**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)	9.566.534.173	12.568.534.173
<b>Cộng</b>	<b><u>9.566.534.173</u></b>	<b><u>12.568.534.173</u></b>

(\*) Khoản tạm ứng của Ông Vũ Văn Thảo, tạm ứng bằng tiền mặt với mục đích thực hiện dự án đầu tư khai thác quặng đồng tại Bắc Giang.

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2012	130.362.817.545	14.102.612.624	1.823.203.691	226.000.000	146.514.633.860
- Mua trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư tại ngày 30/06/2012	130.362.817.545	14.102.612.624	1.823.203.691	226.000.000	146.514.633.860
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2012	12.923.412.029	5.900.853.907	182.320.369	200.686.708	19.207.273.013
- Khấu hao trong kỳ	3.451.722.132	1.676.545.499	91.160.185	8.000.000	5.227.427.816
- Tăng khác					
- Giảm khác					
Số dư tại ngày 30/06/2012	16.375.134.161	7.577.399.406	273.480.554	208.686.708	24.434.700.829
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>					
1. Tại ngày 01/01/2012	117.439.405.516	8.201.758.717	1.640.883.322	25.313.292	127.307.360.847
2. Tại ngày 30/06/2012	113.987.683.384	6.525.213.218	1.549.723.137	17.313.292	122.079.933.031

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án đầu tư khai thác mỏ đồng tại Bắc Giang	9.987.023.649	9.987.023.649
<b>Cộng</b>	<b><u>9.987.023.649</u></b>	<b><u>9.987.023.649</u></b>

**8. Đầu tư vào Công ty liên kết**

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Chế biến, tuyển luyện khoáng sản Tân Đại Lợi	4.000.000	40.000.000.000		

Đây là khoản góp vốn bằng tiền mặt theo Hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV-2012 ngày 06/06/2012. Vốn góp chiếm tỷ lệ 25% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế biến, Tuyển luyện Khoáng sản Tân Đại Lợi.

**9. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	483.895.015	967.790.029
Ký quỹ phục hồi khai thác khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang	500.000.000	700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>983.895.015</u></b>	<b><u>1.667.790.029</u></b>

**10. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty CP XNK XD Thái Bình Dương	2.835.200.000	2.835.200.000
Công ty TNHH TM & SX Toán Lượng	225.000.432	880.000.432
Cty CP Thiết kế XD và Vận tải Đông Hà Nội	440.006.165	440.006.165
Công ty TNHH SX và Thương mại Tân Bắc Đô	1.144.000.000	1.144.000.000
Các đối tượng khác	15.000.000	517.113.148
<b>Cộng</b>	<b><u>4.659.206.597</u></b>	<b><u>5.816.319.745</u></b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT đầu ra	2.967.314.486	2.967.314.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp	264.996.382	264.996.382
Thuế tài nguyên	504.396.700	504.396.700
Các loại thuế khác	1.501.290.000	1.501.290.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.237.997.568</u></b>	<b><u>5.237.997.568</u></b>

**12. Các khoản phải trả phải nộp khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	21.107.151	19.029.266
Phải trả khác	8.588.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>29.695.151</u></b>	<b><u>19.029.266</u></b>

**13. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân Đội (*)	598.940.644	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>598.940.644</u></b>	<b><u>1.000.000.000</u></b>

(\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội, thời hạn vay 39 tháng, lãi suất ban đầu là 12,75%/năm.  
 Lãi suất năm = lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 24 tháng + Lãi suất biên 5%/năm.

**14. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	168.000.000.000	12.000.000.000	526.251.599	263.125.800	3.017.380.866	183.806.758.265
Tăng trong năm trước				1.041.996.983		
Lãi trong năm trước					20.839.939.651	20.839.939.651
Tăng khác					1.706.953.035	1.706.953.035
Trích lập các quỹ					1.041.996.983	1.041.996.983
Giảm khác					40.166.383	40.166.383
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu kỳ này	168.000.000.000	12.000.000.000	526.251.599	1.305.122.783	24.482.110.186	206.313.484.568
Tăng vốn trong kỳ						
Lãi trong kỳ					1.096.021.877	1.096.021.877
Số dư tại 30/06/2012	168.000.000.000	12.000.000.000	526.251.599	1.305.122.783	25.578.132.063	207.409.506.445

**Cổ phiếu**

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.800.000	16.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	16.800.000	16.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.800.000	16.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.800.000	16.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.800.000	16.800.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	-	41.029.680.000
Cộng	-	41.029.680.000

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	-	14.454.408.485
Cộng	-	14.454.408.485

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	133.591	110.457.048
<b>Cộng</b>	<b>133.591</b>	<b>110.457.048</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	4.357.066	369.689.444
<b>Cộng</b>	<b>4.357.066</b>	<b>369.689.444</b>

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Theo Công văn số 2169/CT-TTHT ngày 19/09/2011 của Cục thuế Tỉnh Bắc Giang Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Bắc Giang được miễn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đến hết năm 2012 và được giảm 50% trong 07 năm kể từ năm 2013.

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.096.021.877	18.884.939.081
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.096.021.877	18.884.939.081
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.800.000	16.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>65</b>	<b>1.124</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh với số liệu báo cáo kỳ này là số liệu trên Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2011, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam.

**2. Giao dịch với bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)	Số dư với bên liên quan (VND)
Ông Vũ Văn Thảo	Chủ tịch HĐQT	Hoàn tạm ứng	3.002.000.000	9.566.534.173

Bắc Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2012

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Quỳnh Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Quang